

**CÔNG KHAI DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ HP THEO NQ 54/2019
VÀ GIẢM HP THEO NĐ 81/2022 KỲ II NH 2024 -2025**

TT	Họ tên học sinh	Trường	Mức hỗ trợ	Tên lớp	Số tháng được c hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024- 2025	Trong đó	
							Kinh phí được miễn, giảm theo NĐ 81/2021	Kinh phí được hỗ trợ theo NQ số 54/2019
1	Bùi Việt Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
2	Đỗ Diệp Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT1	4	368.000		368.000
3	Hoàng Bảo Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
4	Nguyễn Ngọc Minh Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT1	4	368.000		368.000
5	Hoàng Ngọc Linh Chi	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
6	Nguyễn Văn Đức	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
7	Phạm Mai Hoa	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
8	Đặng Minh Hoàng	MN Thái Sơn	92.000	NT1	4	368.000		368.000
9	Nguyễn Việt Hoàng	MN Thái Sơn	92.000	NT1	4	368.000		368.000
10	Bùi Gia Hưng	MN Thái Sơn	92.000	NT1	3	276.000		276.000
11	Trần Phúc Hưng	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
12	Hoàng Tuấn Khang	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
13	Bùi Duy Khánh	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
14	Hoàng Tuấn Khôi	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
15	Nguyễn Đăng Khôi	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
16	Hoàng Thị Minh Khuê	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
17	Hoàng Gia Mạnh	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
18	Bùi Hiếu Minh	MN Thái Sơn	92.000	NT1	4	368.000		368.000
19	Hoàng Tường Minh	MN Thái Sơn	92.000	NT1	3	276.000		276.000
20	Hoàng Bảo Nam	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
21	Đoàn Bảo Nhi	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
22	Đào Duy Thành	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
23	Phạm Đức Thành	MN Thái Sơn	92.000	NT1	4	368.000		368.000
24	Lò Phương Thảo	MN Thái Sơn	92.000	NT1	4	368.000		368.000
25	Nguyễn Phú Thắng	MN Thái Sơn	92.000	NT1	3	276.000		276.000
26	Vũ Ngọc Trâm	MN Thái Sơn	92.000	NT1	5	460.000		460.000
27	Đặng Kiều Diễm Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
28	Nguyễn Nhật Minh Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
29	Nguyễn Trí Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
30	Nguyễn Tiến Dũng	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
31	Hứa Đỗ Khải Duy	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
32	Vũ Phú Điền	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
33	Nguyễn Phú Gia Huy	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
34	Hoàng Tuấn Hưng	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000

35	Nguyễn Gia Hưng	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
36	Nguyễn Phú Gia Hưng	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
37	Vũ Ngọc Ánh Kim	MN Thái Sơn	92.000	NT2	4	368.000		368.000
38	Vũ Ngọc Vân Khánh	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
39	Hoàng Minh Khôi	MN Thái Sơn	92.000	NT2	3	276.000		276.000
40	Hoàng Tùng Lâm	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
41	Nguyễn Khánh Linh	MN Thái Sơn	92.000	NT2	4	368.000		368.000
42	Nguyễn Trúc Linh	MN Thái Sơn	92.000	NT2	4	368.000		368.000
43	Nguyễn Phú Minh	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
44	Lê Hoàng Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
45	Nguyễn Ánh Nhi	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
46	Hoàng Mạnh Quang	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
47	Nguyễn Phương Thảo	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
48	Vũ Thanh Thảo	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
49	Hoàng Thùy Trang	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
50	Đỗ Tổng Như Ý	MN Thái Sơn	92.000	NT2	5	460.000		460.000
51	Phùng Minh Anh A	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
52	Nguyễn Minh Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
53	Nguyễn Ngọc Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT3	3	276.000		276.000
54	Phùng Nhật Minh Anh	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
55	Bùi Xuân Bách	MN Thái Sơn	92.000	NT3	4	368.000		368.000
56	Phùng Gia Bảo	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
57	Phùng Khánh Chi	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
58	Lê Thùy Dương	MN Thái Sơn	92.000	NT3	3	276.000		276.000
59	Phùng Nam Dương	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
60	Nguyễn Dương Minh Hiếu	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
61	Nguyễn Thanh Huyền	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
62	Phùng Minh Khang	MN Thái Sơn	92.000	NT3	3	276.000		276.000
63	Vũ Minh Khang	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
64	Hoàng Quốc Khánh	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
65	Nguyễn Khánh Linh	MN Thái Sơn	92.000	NT3	4	368.000		368.000
66	Phùng Anh Minh	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
67	Nguyễn An Nhi	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
68	Nguyễn Đức Phúc	MN Thái Sơn	92.000	NT3	3	276.000		276.000
69	Bùi Tuấn Tú	MN Thái Sơn	92.000	NT3	4	368.000		368.000
70	Hoàng Anh Tú	MN Thái Sơn	92.000	NT3	5	460.000		460.000
71	Nguyễn Thái Tuấn	MN Thái Sơn	92.000	NT3	3	276.000		276.000
72	Hoàng Anh Việt	MN Thái Sơn	92.000	NT3	3	276.000		276.000
73	Nguyễn Thị Bảo An	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
74	Đặng Việt Anh	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
75	Đặng Gia Bảo	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
76	Lý Bảo Bảo	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
77	Nguyễn Ánh Dương	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
78	Đoàn Minh Hùng	MN Thái Sơn	85.000	3C1	4	340.000		340.000

79	Lê Gia Huy	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
80	Hoàng Minh Hưng	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
81	Đặng Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	3C1	4	340.000		340.000
82	Đỗ Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
83	Phạm Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
84	Hoàng Phương Linh	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
85	Nguyễn Ngọc Gia Long	MN Thái Sơn	85.000	3C1	4	340.000		340.000
86	Nghiêm Đăng Nhật Minh	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
87	Hoàng Như Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
88	Mai Hoàng Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
89	Hoàng Gia Phúc	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
90	Nguyễn Xuân Phúc	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
91	Phạm Thanh Tâm	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
92	Tô Minh Tú	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
93	Hoàng Thanh Thư	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
94	Bùi Thị Thùy Trang	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
95	Đào Thị Thu Trang	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
96	Nguyễn Bảo Trâm	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
97	Bùi Minh Trí	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
98	Hoàng Ngọc Trinh	MN Thái Sơn	85.000	3C1	4	340.000		340.000
99	Đoàn Tuấn Minh Vương	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
100	Đỗ Ngọc Khánh Vy	MN Thái Sơn	85.000	3C1	5	425.000		425.000
101	Hoàng Minh An	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
102	Hoàng Bảo Anh	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
103	Phan Diệu Anh	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
104	Phạm Ngọc Ánh	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
105	Phạm Đức Dương	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
106	Ngô Phong Đạt	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
107	Nguyễn Hoàng Tiến Đạt	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
108	Hoàng Quốc Huy	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
109	Hoàng Trung Kiên	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
110	Đỗ Thiên Kỳ	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
111	Hoàng Thế Khang	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
112	Đỗ Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
113	Nguyễn Phú Khôi	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
114	Vũ Nhật Mai	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
115	Hoàng Đức Minh	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
116	Nguyễn Phú Minh	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
117	Đặng Vũ Bảo Nam	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
118	Hoàng Bảo Ngân	MN Thái Sơn	85.000	3C2	3	255.000		255.000
119	Vũ Kim Ngân	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
120	Nguyễn Khánh Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
121	Hà Tuệ Nhi	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
122	Hoàng Thảo Nhi	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
123	Nguyễn Nhân Quý	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
124	Nịnh Minh Sang	MN Thái Sơn	85.000	3C2	4	340.000		340.000

125	Hoàng Anh Tú	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
126	Hoàng Đức Vượng	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
127	Hoàng Yến Vy	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
128	Nguyễn Phạm Khánh Vy	MN Thái Sơn	85.000	3C2	5	425.000		425.000
129	Lê Thành An	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
130	Nguyễn Ngọc Thiên An	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
131	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
132	Hoàng Gia Bảo	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
133	Trần Minh Châu	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
134	Nguyễn Phương Chi	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
135	Ngô Trí Dũng	MN Thái Sơn	85.000	3C3	2	170.000		170.000
136	Hoa Minh Đăng	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
137	Nguyễn Hải Đăng	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
138	Hoàng Gia Hân	MN Thái Sơn	85.000	3C3	4	340.000		340.000
139	Nguyễn Phú Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	3C3	4	340.000		340.000
140	Hoàng Bảo Khánh	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
141	Nguyễn Gia Khánh	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
142	Bùi Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
143	Hoàng Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
144	Hoàng Ánh Mai	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
145	Hoàng Huyền My	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
146	Đặng Huy Nam	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
147	Bùi Thiện Nhân	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
148	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
149	Phùng Thảo Nhi	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
150	Đào Thị An Nhiên	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
151	Nông Mạnh Tú	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
152	Bùi Thái Thịnh	MN Thái Sơn	85.000	3C3	4	340.000		340.000
153	Đặng Vũ Thịnh	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
154	Hoàng Anh Thư	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
155	Đào Bích Trâm	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
156	Đào Nguyễn Xuân Vượng	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
157	Nguyễn Ngọc Yến	MN Thái Sơn	85.000	3C3	5	425.000		425.000
158	Bùi Trâm Anh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
159	Hoàng Ngọc Anh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
160	Nguyễn Quang Anh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
161	Phan Phương Anh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
162	Phùng Việt Anh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	4	340.000		340.000
163	Nguyễn Xuân Chinh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
164	Phùng Đức Duy	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
165	Bùi Đào Khả Hân	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
166	Hoàng Bảo Hân	MN Thái Sơn	85.000	3C4	4	340.000		340.000
167	Phạm Hoàng Hiền	MN Thái Sơn	85.000	3C4	4	340.000		340.000
168	Nguyễn Phúc Huy	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
169	Trần Gia Hưng	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
170	Đào Ngọc Trí Kiên	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000

171	Lê Thảo Linh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
172	Nguyễn Tuấn Minh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
173	Phùng Đức Minh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
174	Phùng Kim Ngân	MN Thái Sơn	85.000	3C4	4	340.000		340.000
175	Hoàng Thảo Nhi	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
176	Nguyễn Uyên Nhi	MN Thái Sơn	85.000	3C4	4	340.000		340.000
177	Nguyễn Minh Quang	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
178	Ngô Minh Quân	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
179	Nguyễn Diệu Tâm	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
180	Phùng Chí Thanh	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
181	Phạm Phước Thiện	MN Thái Sơn	85.000	3C4	5	425.000		425.000
182	Hoàng Bảo An	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
183	Nguyễn Quốc An	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
184	Bùi Minh Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
185	Bùi Nguyễn Duy Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
186	Hoàng Phương Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
187	Vũ Minh Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
188	Hoàng Ngọc Ánh	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
189	Lê Thị Quỳnh Chi	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
190	Nguyễn Ngọc Diệp	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
191	Đặng Minh Dương	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
192	Phạm Thùy Dương	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
193	Nguyễn Hải Đăng	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
194	Hoàng Thị Gia Hân	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
195	Nguyễn Gia Huy	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
196	Hoàng Gia Hưng	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
197	Bùi Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
198	Đoàn Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
199	Hoàng Tuấn Khang	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
200	Hoàng Đăng Khoa	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
201	Nguyễn Diệu Linh	MN Thái Sơn	85.000	4B1	4	340.000		340.000
202	Nguyễn Vũ Gia Linh	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
203	Đỗ Hùng Mạnh	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
204	Phùng Thị Thảo Minh	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
205	Nguyễn Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
206	Hoa Ngọc Nhi	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
207	Đào An Nhiên	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
208	Đặng Thị An Nhiên	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
209	Phạm Minh Quân	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
210	Nguyễn Ngọc San	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
211	Hoàng Đức Tâm	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
212	Vũ Minh Tuấn	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
213	Bùi Duy Tùng	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
214	Phạm Tiến Thành	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
215	Hoàng Phương Thuý	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
216	Ngô Thị Anh Thư	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000

217	Ngô Thị Thanh Trúc	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
218	Nguyễn Thành Trung	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
219	Nguyễn Ngọc Như Ý	MN Thái Sơn	85.000	4B1	5	425.000		425.000
220	Phạm Hoài An	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
221	Bùi Đăng Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
222	Nguyễn Diệu Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
223	Nguyễn Minh Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
224	Trần Hoàng Hải Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B2	4	340.000		340.000
225	Trần Thị Kim Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
226	Nguyễn Phú Bảo	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
227	Hoàng Minh Duy	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
228	Nguyễn Ánh Dương	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
229	Đoàn Trường Giang	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
230	Phạm Công Hiếu	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
231	Bùi Đức Huy Hoàng	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
232	Nguyễn Minh Hoàng	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
233	Nguyễn Gia Huy	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
234	Đồng Thị Diệu Huyền	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
235	Nguyễn Thị Thùy Linh	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
236	Bùi Thanh Mai	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
237	Nguyễn Nhật Minh	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
238	Bùi Huyền My	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
239	Cam Thị Kim Ngân	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
240	Nguyễn Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
241	Nguyễn Khánh Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
242	Phạm Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
243	Vũ Khánh Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
244	Hoàng Gia Nhi	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
245	Nguyễn Hoàng Trúc Nhi	MN Thái Sơn	85.000	4B2	4	340.000		340.000
246	Phạm Ngọc Yến Nhi	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
247	Hoàng Đức Phúc	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
248	Hoàng Tiến Phúc	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
249	Hoàng Phương Quỳnh	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
250	Hoàng Phúc Thiện	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
251	Đặng Thanh Thư	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
252	Hoàng Ngọc Trâm	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
253	Lê Minh Trí	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
254	Bùi Đức Uy	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
255	Bùi Lê Khánh Vy	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
256	Ngô Thị Hải Yến	MN Thái Sơn	85.000	4B2	5	425.000		425.000
257	Nguyễn Minh Đức A	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
258	Nguyễn Bình An	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
259	Phạm Vũ Thiên An	MN Thái Sơn	85.000	4B3	4	340.000		340.000
260	Phạm Khắc Trung Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
261	Nguyễn Minh Đức B	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000

262	Nguyễn Thành Duy	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
263	Hoàng Ánh Dương	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
264	Nguyễn Hoàng Dương	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
265	Hoàng Ngọc Linh Đan	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
266	Nịnh Thu Hà	MN Thái Sơn	85.000	4B3	4	340.000		340.000
267	Hoàng Gia Hân	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
268	Hoàng Mạnh Hùng	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
269	Nguyễn Tuấn Kiệt	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
270	Nguyễn Đăng Khoa	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
271	Hoàng Thanh Mai	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
272	Phạm Thanh Mai	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
273	Hoàng Nhật Minh	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
274	Phạm Ngọc Minh	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
275	Phạm Thị Kim Ngân	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
276	Nguyễn Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B3	4	340.000		340.000
277	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
278	Phạm Hồng Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
279	Tô Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
280	Hoàng Nguyễn An Nhi	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
281	Hoàng Yến Nhi	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
282	Phùng Trần Khải Phong	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
283	Nguyễn Thị Như Quỳnh	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
284	Nguyễn Thanh Tâm	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
285	Hoàng Thảo Tiên	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
286	Hoàng Đức Tinh	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
287	Đặng Anh Tuấn	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
288	Hoàng Xuân Tùng	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
289	Đồng Phương Thảo	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
290	Đặng Gia Thịnh	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
291	Hoàng Anh Thư	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
292	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
293	Phùng Ngọc Hạ Trâm	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
294	Hoàng Văn Trọng	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
295	Đặng Đức Việt	MN Thái Sơn	85.000	4B3	5	425.000		425.000
296	Đỗ Minh Đức	MN Thái Sơn	85.000	4B3	4	340.000		340.000
297	Đặng Khánh An	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
298	Hoàng Bảo Trúc An	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
299	Hoàng Bảo Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
300	Hoàng Duy Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
301	Lê Thuỳ Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
302	Nguyễn Hoài Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
303	Vũ Hoàng Bách	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
304	Lê Quốc Bảo	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
305	Trịnh Hoàng Linh Đan	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000

306	Nguyễn Tiến Đạt	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
307	Đào Ngọc Hân	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
308	Hoàng Gia Hân	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
309	Đào Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
310	Đoàn Lê Gia Khánh	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
311	Đoàn Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
312	Nguyễn Khánh Linh	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
313	Ngô Nhật Minh	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
314	Nguyễn Lưu Hải Minh	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
315	Bùi Thị Trà My	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
316	Đồng Thị Trà My	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
317	Hoàng Thị Trà My	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
318	Trần Bảo Nam	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
319	Bùi Minh Nghĩa	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
320	Hoàng Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
321	Vũ Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
322	Đào Thị Tuệ Nhi	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
323	Nguyễn An Nhiên	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
324	Phạm An Nhiên	MN Thái Sơn	85.000	4B4	3	255.000		255.000
325	Đào Nguyễn Khả Như	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
326	Đỗ Minh Quân	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
327	Tô Thị Như Quỳnh	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
328	Đặng Đức Tài	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
329	Lê Anh Tuấn	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
330	Nguyễn Văn Thái	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
331	Hoàng Yến Vy	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
332	Tăng Khánh Vy	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
333	Nguyễn Thị Như Ý	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
334	Ngô Mai Hải Yến	MN Thái Sơn	85.000	4B4	5	425.000		425.000
335	Hoàng Duy Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
336	Mai Diệu Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
337	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
338	Phùng Mai Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
339	Phùng Nhật Phương Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
340	Phùng Thị Bảo Anh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
341	Bùi Gia Bảo	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
342	Bùi Minh Châu	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
343	Bùi Ngọc Minh Châu	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
344	Hoàng Minh Dũng	MN Thái Sơn	85.000	4B5	4	340.000		340.000
345	Ngô Hoàng Minh Dương	MN Thái Sơn	85.000	4B5	4	340.000		340.000
346	Phùng Thị Ánh Dương	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
347	Bùi Đào Linh Đan	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
348	Nguyễn Hương Giang	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
349	Phùng Ngọc Hạ	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000

350	Phùng Gia Hân	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
351	Bùi Việt Hoàng	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
352	Phùng Việt Hoàng	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
353	Phùng Phúc Hưng	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
354	Ngô Quang Khải	MN Thái Sơn	85.000	4B5	4	340.000		340.000
355	Phùng Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
356	Phạm Yến Linh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
357	Giang Nhật Minh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
358	Nguyễn Nhật Minh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
359	Ngô Hà My	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
360	Nguyễn Trà My	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
361	Phùng Khánh Ngân	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
362	Phùng Thị Kim Ngân	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
363	Hoàng Lan Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
364	Phùng Minh Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
365	Bùi Đức Nhân	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
366	Hoàng Thảo Nhi	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
367	Hoàng An Nhiên	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
368	Hoàng Thị Hà Phương	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
369	Hoàng Anh Tuấn	MN Thái Sơn	85.000	4B5	4	340.000		340.000
370	Trương Anh Tùng	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
371	Phùng Bảo Trâm	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
372	Nguyễn Xuân Trường	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
373	Nguyễn Quang Vinh	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
374	Bùi Thị Kiều Vy	MN Thái Sơn	85.000	4B5	5	425.000		425.000
375	Hoàng Bảo An	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
376	Lê Thiện Bảo An	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
377	Hoàng Thị Trâm Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
378	Nguyễn Bảo Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
379	Đặng Ngọc Ánh	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
380	Đỗ Ngọc Ánh	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
381	Nguyễn Thái Bảo	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
382	Nguyễn Xuân Gia Bảo	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
383	Nguyễn Bảo Châu	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
384	Mai Thế Thành Đạt	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
385	Hoàng Gia Huy	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
386	Nguyễn Quang Huy	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
387	Phạm Quang Huy	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
388	Đặng Thị Ngọc Huyền	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
389	Nguyễn Phúc Hưng	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
390	Đặng Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
391	Tạ Bảo Khang	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
392	Đoàn Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	
393	Hoàng Bảo Lâm	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000	

394	Hoàng Tú Linh	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
395	Phùng Trà My	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
396	Đặng Thành Nam	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
397	Hoàng Duy Ninh	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
398	Hoàng Khánh Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
399	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
400	Hoàng Minh Nguyệt	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
401	Hoàng An Nhiên	MN Thái Sơn	85.000	5A1	4	340.000	340.000
402	Phạm Quỳnh Như	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
403	Phùng Minh Phát	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
404	Nguyễn Đặng Ái Phương	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
405	Hoàng Như Quỳnh	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
406	Hoàng Thái Sơn	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
407	Vũ Anh Thư	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
408	Nguyễn Quỳnh Trang	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
409	Hoàng Phú Triệu	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
410	Hoàng Thanh Trúc	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
411	Trần Anh Trung	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
412	Nguyễn Mạnh Trường	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
413	Hoàng Anh Vũ	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
414	Nguyễn Hoàng Thảo Vy	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
415	Nguyễn Hải Yến	MN Thái Sơn	85.000	5A1	5	425.000	425.000
416	Ngô Vũ Bảo An	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
417	Nguyễn Trường An	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
418	Phạm Thành An	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
419	Ngô Tú Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
420	Phạm Đức Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
421	Vũ Minh Dũng	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
422	Phạm Khắc Duy	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
423	Trịnh Hữu Đạt	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
424	Nguyễn Thị Thu Hiền	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
425	Lê Minh Hoàn	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
426	Vũ Trung Kiên	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
427	Đỗ Tuấn Kiệt	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
428	Trần Ngọc Khang	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
429	Vũ Duy Khoa	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
430	Đặng Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
431	Hoàng Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
432	Nguyễn Phú Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
433	Phạm Đình Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
434	Vũ Minh Khôi	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
435	Nguyễn Ngọc Linh	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
436	Vũ Nhật Linh	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000
437	Nguyễn Hoàng Long	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000

438	Nguyễn Ngọc Mai	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
439	Phạm Thị Thanh Mai	MN Thái Sơn	85.000	5A2	4	340.000	340.000	
440	Nguyễn Phú Nhật Minh	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
441	Nguyễn Hà My	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
442	Nguyễn Hồng Ngoan	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
443	Lê Vũ Tuệ Nhi	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
444	Hoàng An Nhiên	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
445	Phạm Khắc Phong	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
446	Hoàng Anh Tú	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
447	Lê Minh Thành	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
448	Đặng Minh Thiện	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
449	Nguyễn Thị Thanh Thủy	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
450	Hoàng Anh Thư	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
451	Phạm Anh Thư	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
452	Vũ Minh Trí	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
453	Nguyễn Thị Tố Uyên	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
454	Hoàng Thế Vinh	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
455	Lê Công Vinh	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
456	Vũ Hoàng Yến	MN Thái Sơn	85.000	5A2	5	425.000	425.000	
457	Nguyễn Tuệ An	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
458	Đỗ Thùy Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
459	Nguyễn Bảo Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
460	Nguyễn Hà Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
461	Phạm Diệu Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
462	Phạm Nguyệt Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
463	Phạm Văn Quốc Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
464	Đỗ Hoàng Bách	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
465	Nguyễn Minh Châu	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
466	Nguyễn Ph Ngọc Diệp	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
467	Bùi Đăng Dũng	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
468	Đặng Đức Duy	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
469	Trần Văn Đức Duy	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
470	Bùi Tiến Đạt	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
471	Nguyễn Minh Đức	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
472	Đỗ Ngọc Gia Hân	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
473	Nguyễn Thanh Hiền	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
474	Ngô Thị Hồng	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
475	Mai Hoàng Huy	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
476	Nguyễn Phú Gia Huy	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
477	Đặng Việt Hưng	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
478	Đỗ Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
479	Đồng Thị Tuệ Lâm	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
480	Nguyễn Thị Khánh Linh	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	
481	Hoàng Bảo Lộc	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000	

482	Nguyễn Phú Duy Nam	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
483	Đỗ Trần Khánh Ngân	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
484	Nguyễn Phương Ngân	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
485	Vũ Hải Nguyên	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
486	Bùi Thị Khánh Nhi	MN Thái Sơn	85.000	5A3	3	255.000	255.000
487	Hoàng Vũ Thảo Nhi	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
488	Phạm Văn Thanh	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
489	Nguyễn Phú Thành	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
490	Phạm Vũ Đức Thiện	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
491	Đỗ Anh Thư	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
492	Vũ Thị Quỳnh Trang	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
493	Hoàng Bảo Trâm	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
494	Nguyễn Minh Trí	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
495	Đoàn Bảo Vương	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
496	Nguyễn Diệu Vy	MN Thái Sơn	85.000	5A3	4	340.000	340.000
497	Vũ Ngọc Yến	MN Thái Sơn	85.000	5A3	5	425.000	425.000
498	Đào Thị Quỳnh Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
499	Hoàng Minh Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
500	Lò Thùy Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
501	Nguyễn Thị Trâm Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
502	Phan Triệu Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
503	Hoàng Gia Bảo	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
504	Nguyễn Gia Bảo	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
505	Vũ Phạm Minh Châu	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
506	Đỗ Khánh Chi	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
507	Hoàng Ngọc Diệp	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
508	Đào Nguyễn Xuân Dương	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
509	Hoàng Ngọc Ánh Dương	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
510	Hoàng Thị Ánh Dương	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
511	Hoàng Thành Đạt	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
512	Vũ Hoàng Hải Đăng	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
513	Nguyễn Thị Hiền	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
514	Vũ Đình Hiếu	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
515	Nguyễn Huy Hoàng	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
516	Phạm Quang Khải	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
517	Bùi Bảo Khang	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
518	Hoa Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
519	Nguyễn Hoàng Minh Khan	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
520	Đào Bảo Khánh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
521	Hoàng Văn Khánh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
522	Hoàng Khánh Linh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
523	Lê Thành Long	MN Thái Sơn	85.000	5A4	2	170.000	170.000
524	Đặng Thanh Mai	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000
525	Nguyễn Phú Nam	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000

526	Hoàng Thảo Bích Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
527	Phạm Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
528	Bùi An Nhi	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
529	Hoàng Quỳnh Như	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
530	Hoàng Thị Quỳnh Như	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
531	Vũ Gia Phong	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
532	Đào Như Quỳnh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
533	Hoàng Anh Tuấn	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
534	Hoàng Minh Tùng	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
535	Bùi Đức Thiện	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
536	Nguyễn Thị Thúy	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
537	Đặng Thị Ngọc Trinh	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
538	Hoàng Hải Vân	MN Thái Sơn	85.000	5A4	5	425.000	425.000	
539	Phùng Trường An	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
540	Đặng Thị Trang Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
541	Đinh Minh Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	4	340.000	340.000	
542	Nguyễn Hoài Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	4	340.000	340.000	
543	Nguyễn Tâm Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	4	340.000	340.000	
544	Phùng Thị Diệp Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
545	Nguyễn Mai Chi	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
546	Hoàng Bảo Hân	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
547	Phùng Gia Hân	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
548	Phùng Nguyễn Gia Hân	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
549	Bùi Trung Hiếu	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
550	Nguyễn Trần Phúc Khang	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
551	Hoàng Duy Khánh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
552	Hoàng Diệu Linh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
553	Phan Ý Linh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
554	Hoàng Anh Minh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
555	Ngô Nhật Minh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
556	Hoàng Bảo Ngọc	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
557	Hoàng Bảo Minh Quân	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
558	Phùng Văn Thanh	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
559	Vũ Anh Thư	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
560	Hoàng Hoàng Vũ	MN Thái Sơn	85.000	5A5	4	340.000	340.000	
561	Nguyễn Tường Vy	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
562	Vũ Hà Vy	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
563	Hoàng Thị Như Ý	MN Thái Sơn	85.000	5A5	5	425.000	425.000	
564	Phạm Trường An	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
565	Hoàng Hà Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
566	Nguyễn Ngọc Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
567	Nguyễn Quỳnh Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
568	Phạm Đức Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
569	Phùng Nguyễn Thùy Anh	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	

570	Nguyễn Hoàng Bách	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
571	Hoàng Linh Chi	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
572	Nguyễn Minh Hoàng	MN Thái Sơn	85.000	5A6	3	255.000	255.000	
573	Hoàng Minh Khang	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
574	Bùi Đăng Khoa	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
575	Hoàng Anh Minh	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
576	Hoàng Quang Minh	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
577	Lê Nhật Nam	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
578	Hoàng Khánh Ngân	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
579	Nguyễn Thảo Nguyên	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
580	Lưu Hoàng Ngân Nhi	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
581	Bùi Hoàng An Nhiên	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
582	Nguyễn Thúy Nhung	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
583	Hoàng Minh Quang	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
584	Hoàng Phương Thúy	MN Thái Sơn	85.000	5A6	4	340.000	340.000	
585	Hoàng Thị Kiều Trinh	MN Thái Sơn	85.000	5A6	5	425.000	425.000	
586	Hoàng Ngọc Yến	MN Thái Sơn	85.000	5A6	4	340.000	340.000	
	Tổng cộng					244.539.000	88.740.000	155.799.000

Danh sách này có: 586 người

Thái Sơn, ngày 09 tháng 4 năm 2025



Nguyễn Thị Oanh